

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BA ĐỒN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HS-ST  
Ngày 13 - 5 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tường Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Công Nghĩa và ông Hoàng Thanh Diện

**- Thư ký phiên tòa:** Bà ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quốc Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Lê Tuấn A, tên gọi khác: không, sinh ngày 26 tháng 6 năm 1994, tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Khu phố 2, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh T (đã chết) và bà Bùi Thị H, sinh năm 1968; vợ con: chưa có; về nhân thân: Ngày 06/5/2017, có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, bị Công an huyện Q xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng; ngày 03/02/2018, có hành vi đánh nhau bị Công an thị xã B xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng; ngày 01/8/2018 có hành vi xâm hại sức khỏe người khác, bị Công an thị xã B xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000 đồng; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 27/12/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Quang M, tên gọi khác: Không, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2003, tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Trần Thị Thùy N, sinh năm 1981; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 27/12/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Lê Văn N, sinh năm 1994; nơi cư trú: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Phạm Thị T, sinh năm 1967; nơi cư trú: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

+ Anh Hoàng Đức T, sinh năm 1989; nơi cư trú: Khu phố 2, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- Người làm chứng:

+ Chị Phạm Nguyễn Thùy T; sinh năm 2000; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

+ Anh Phạm Tuấn V; sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 22/8/2021, Lê Tuấn A và Lê Quang M đang ngồi chơi tại nhà chị Phạm Thị Thùy T, Lê Tuấn A điện rủ Lê Văn N vào chơi. Sau đó Lê Tuấn A nói với Lê Quang M “Khi N vào thì sẽ lấy xe mô tô của N đi cầm cố để lấy xe mô tô mà M đã cầm cố trước đó ra”, M đồng ý. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Winner X, sơn màu đỏ xanh trắng đen, BKS 73E1-439.35 chạy vào nhà chị T chơi với Tuấn A và M. Tuấn A nói với N “cho thằng em mượn xe để đi lấy tiền cây”, N đồng ý và đưa chìa khóa xe cho M, Tuấn A đi ra và nói với M “Em đi cầm cái xe cho anh lấy 5.000.000 đồng, còn xe em tính toán lấy sau”. M đồng ý và điều khiển xe đến nhà anh Hoàng Đức T cầm cố được 5.000.000 đồng. Khi M đi được một lúc thì Tuấn A nói với anh N “Anh ơi, xe anh em cầm cố 5.000.000 rồi” N hỏi lại “Mi cầm xe anh ở mô, mấy tiền nói để anh lấy về”. Sau khi cầm cố xe, M điện thoại cho Tuấn A nói cầm cố xe được 5.000.000 đồng. Tuấn Anh dặn Minh đến tiệm cầm đồ Hà Di thuộc TDP Chính Trực, phường Q chuộc điện thoại về cho Tuấn A hết 1.000.000 đồng còn 4.000.000 đồng, M đưa về cho Tuấn A tại nhà chị T. Tại đây, Tuấn A nói với M đi lấy thêm 5.000.000 đồng nữa từ việc cầm xe của anh N nhưng M không chịu mà nói với Tuấn A là cho M lấy thêm tiền để chuộc xe của M ra vì trước đó xe M cho Tuấn A mượn cầm cố 6.000.000 đồng tại nhà anh Hoàng Đức T. Tuấn A nói với N “anh ngồi chơi đó một lúc khoảng 18 giờ 30 phút tụi em lấy xe về cho anh”. Anh N không nói gì nên M bỏ đi. M xuống gặp Hoàng Đức T, lấy xe của M ra, lấy thêm từ anh T số tiền 1.000.000 đồng, rồi nhờ anh Phạm Tuấn V chuyển số tiền trên qua tài khoản cho anh Tuấn A rồi M về nhà. Như vậy, số tiền mà M cầm cố xe của anh N tại anh Hoàng Đức T là 12.000.000 đồng. M chuộc xe của M mà trước

đây Tuấn A cầm cổ hết 6.000.000 đồng, chuộc điện thoại cho Tuấn A tại tiệm cầm đồ H 1.000.000 đồng, còn 5.000.000 M đưa cho Tuấn A giữ. Số tiền có được Tuấn A đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 27 ngày 25/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự thị xã B xác định: thiệt hại tài sản của anh Lê Văn N tại thời điểm chiếm đoạt có trị giá 31.000.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT công an thị xã B đã tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Winner X, sơn màu đỏ xanh trắng đen, BKS 73E1-439.35 từ anh Hoàng Đức T và đã trả lại cho anh Lê Văn N

Về trách nhiệm dân sự: Phía bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường dân sự và cam đoan không khiếu kiện, khiếu nại gì về sau. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Đức T và 02 bị cáo tự thỏa thuận dân sự không yêu cầu các cơ quan chức năng giải quyết.

Tại bản Cáo trạng số 17/CT - VKSBD ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn đã truy tố các bị cáo Lê Tuấn A, Lê Quang M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo theo toàn bộ nội dung Bản cáo trạng, đã xem xét, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo Lê Tuấn A, Lê Quang M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng điểm khoản 1 Điều 174; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Tuấn A từ 09 đến 12 tháng tù; xử phạt bị cáo Lê Quang M từ 07 đến 10 tháng tù. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án” buộc các bị cáo Lê Tuấn A, Lê Quang M phải nộp mỗi bị cáo 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, tạo điều kiện cho các bị cáo ở nhà để các bị cáo có điều kiện giúp đỡ gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố Tụng Hình sự. Quá trình điều tra cũng như

tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn đã truy tố đối với các bị cáo. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định: Ngày 22 tháng 8 năm 2021, bằng thủ đoạn gian dối các bị cáo Lê Tuấn A và Lê Quang M đã mượn xe mô tô BKS E1-439.35, nhãn hiệu Honda loại Winner sơn màu đỏ, trắng đen trị giá 31.000.000 đồng của anh Lê Văn N đến cầm cố cho anh Hoàng Đức T với số tiền 12.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Vì vậy, có đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị cáo Lê Tuấn A và Lê Quang M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự, đúng như tội danh mà Bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng khác và lời khai nhận tội của các bị cáo.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện thấy rằng:

Vụ án có 02 bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Lê Tuấn A là người chủ động, khởi xướng việc mượn xe của anh N để đưa đi cầm cố nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Bị cáo Lê Quang M, khi nghe bị cáo Tuấn A khởi xướng, không can ngăn mà đồng ý ngay và cùng bị cáo Tuấn A thực hiện hành vi phạm tội đến cùng nên bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo là những thanh niên tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe nhưng lại lười lao động và muốn kiếm tiền dựa vào việc chiếm đoạt tài sản của người khác nên đã cố tình phạm tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trên địa bàn. Vì vậy cần xét xử nghiêm đối với các bị cáo nhằm góp phần giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”; “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Vì vậy, cần căn cứ

vào các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về hình phạt: Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, liều lĩnh, riêng bị cáo Lê Tuấn A có nhân thân xấu. Nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có hiệu quả trong việc giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người biết tuân thủ pháp luật, có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về xử lý vật chứng: Xét thấy Cơ quan CSĐT Công an thị xã B đã tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Winner X, sơn màu đỏ xanh trắng đen, BKS 73E1-439.35 từ anh Hoàng Đức T và đã trả lại cho anh Lê Văn N là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường dân sự và cam đoan không khiếu kiện, khiếu nại gì về sau. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Đức T và 02 bị cáo tự thỏa thuận dân sự không yêu cầu các cơ quan chức năng giải quyết. Xét thấy việc thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với anh Hoàng Đức T là người cho bị cáo Lê Quang M cầm cố xe mô tô. Tuy nhiên, T không bàn bạc thỏa thuận gì trước với các bị cáo và không biết tài sản đó do phạm tội mà có, do vậy không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự. Đối với chị Phạm Nguyễn Thùy T quá trình điều tra xác định được các bị cáo Lê Tuấn A và Lê Quang M đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra tại nhà ở của chị T. Tuy nhiên, chị T hoàn toàn không biết nên nhắc nhở, giáo dục chung là phù hợp. Đối với Phạm Tuấn V là người được bị cáo Lê Quang M nhờ chuyển tiền cho bị cáo Lê Tuấn A. Do V hoàn toàn không biết việc các bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

[9] Về án phí: Xử buộc các bị cáo Lê Tuấn A, Lê Quang M phải nộp mỗi bị cáo 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136, khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa

án, về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Tuấn A và Lê Quang M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Lê Tuấn A 09 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Lê Quang M 07 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

5. Về án phí: Xử buộc các bị cáo Lê Tuấn A và Lê Quang M phải nộp mỗi bị cáo 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt tại phiên tòa) hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án (đối với người vắng mặt tại phiên tòa)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- CA thị xã B;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo, bị hại; người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**(Đã ký)**

**Tưởng Thị Hà**



